

## VAI TRÒ CỦA QUẢNG NAM TRONG QUAN HỆ BANG GIAO VIỆT NAM - BỒ ĐÀO NHA (THẾ KỶ XVI – XVII)

Hoàng Thị Anh Đào

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: hoanganhdao.dhkh@husc.edu.vn

*Ngày nhận bài: 14/3/2022; ngày hoàn thành phần biên: 18/3/2022; ngày duyệt đăng: 4/4/2022*

### TÓM TẮT

Vào đầu thế kỷ XVI, thương thuyền Bồ Đào Nha đã đến đảo Cù Lao Chàm rồi tiến dần vào Hội An (Quảng Nam) để thu gom hàng hóa nhằm thiết lập hoạt động thương mại và về sau hoạt động truyền giáo. Sau khi Bồ Đào Nha thiết lập hoạt động buôn bán và truyền giáo ở đây trong vòng gần 150 năm, đã diễn ra quá trình giao lưu văn hóa giữa Bồ Đào Nha với Việt Nam. Quá trình đó diễn ra dài lâu và còn tồn tại ảnh hưởng cho đến ngày nay như một biểu hiện của giao thoa Đông - Tây thời tiền cận đại. Chính vì lý do đó, bài viết nhằm phân tích sự bang giao quốc tế, giao lưu văn hóa giữa hai chủ thể nói trên ở các lĩnh vực thương mại, Quốc ngữ, kiến trúc và tôn giáo, để từ đó làm rõ vai trò của Quảng Nam trong hành trình mở cõi của dân tộc.

**Từ khóa:** Bang giao, Bồ Đào Nha, Quảng Nam, thương mại...

### 1. QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN GIÁO CỦA BỒ ĐÀO NHA TẠI QUẢNG NAM THẾ KỶ XVI - XVII

#### 1.1. Bối cảnh lịch sử dẫn đến quá trình Bồ Đào Nha thiết lập hoạt động thương mại và truyền giáo ở Quảng Nam

Bồ Đào Nha là nước có sự quan tâm rất lớn đến việc tìm kiếm những con đường hàng hải mới. Người Bồ Đào Nha không chỉ dong thuyền đi biển và lập ra hải đồ mà còn buôn bán và chinh phục những vùng đất mới. Sự xâm nhập của Bồ Đào Nha tại các vùng ven biển châu Phi và châu Á, đặc biệt liên quan đến những bước đầu của thời kỳ bành trướng hàng hải của châu Âu và đạo Kitô, góp phần đánh dấu lịch sử loài người bước sang trang mới. Những động cơ chính của Bồ Đào Nha là “lòng nhiệt thành tôn giáo”, “buôn bán hương liệu” và “chinh phục những vùng đất mới”.

Chính sách hướng biển của Bồ Đào Nha là một trong những cơ sở quan trọng tác động đến việc quốc gia này thiết lập quan hệ thương mại và truyền giáo ở phương

Đông và Đàng Trong (Việt Nam). Đàng Trong (Việt Nam) là một bộ phận của mạng lưới thương mại và truyền giáo mà Bồ Đào Nha đã thiết lập.

*Sự thừa nhận của Giáo hội Rome về Quyền Bảo trợ (Jus Patronatus) của Bồ Đào Nha đã tác động đến quá trình này.* Quyền Bảo trợ mà Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha có được là một quá trình từ lâu trong lịch sử: Giáo hoàng Alexandre VI (1492 – 1503), với Sắc chỉ Inter Caetera ngày 04/5/1493 đã chia thế giới ra làm hai cho Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Phía Đông thuộc Bồ Đào Nha gồm châu Phi và châu Á. Năm 3.11.1534, Giáo hoàng Paolo III (1534 – 1549) ban hành Sắc lệnh Aequum Reputamus thành lập địa phận Goa, ranh giới từ Mũi Hảo vọng đến Trung Quốc, Việt Nam thuộc giáo phận này.

*Về bối cảnh lịch sử và vai trò của Quảng Nam trong hệ thống thương mại biển thế kỷ XVI – XVII.* Trên phương diện chính trị, thế kỷ thứ XVI, chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627 – 1672) đã tạo nên sự phân li lãnh thổ Việt Nam thành Đàng Trong và Đàng Ngoài. Đàng Trong được xem là “giang sơn riêng” thuộc quyền cai quản của các chúa Nguyễn. Đàng Ngoài là vùng đất thuộc quyền ngự trị lâu đời của tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh<sup>1</sup>.

*Về ngoại thương,* trước khi có mặt của các lái buôn phương Tây, Việt Nam vốn đã có quan hệ buôn bán truyền thống với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản và các quốc gia Đông Nam Á. Bước sang thế kỷ XVI, trong bối cảnh đất nước xảy ra cuộc nội chiến kéo dài giữa Trịnh - Mạc (1545 – 1592) và Trịnh - Nguyễn (1627 – 1672), các tập đoàn phong kiến cần sự giúp đỡ bên ngoài về trang bị vũ khí, kỹ thuật cho chiến tranh nên buộc họ phải mở cửa cho con đường giao thương. Mặt khác, những tập đoàn phong kiến ít nhiều cũng có nhữn quyết sách có lợi cho mình nên thúc đẩy thêm quá trình buôn bán giữa Việt Nam với bên ngoài.

Đúng thời điểm đó, Bồ Đào Nha đang trên đường tiến về phương Đông, nhờ thành công của các cuộc phát kiến địa lý. Trong bối cảnh lịch sử Việt Nam thuận lợi cho họ, đã tiến hành hoạt động trao đổi buôn bán với Đàng Trong, song song với đó là tiến hành các hoạt động truyền giáo. Có thể nói, do bối cảnh quốc tế, khu vực và nội tại hai nước Bồ Đào Nha, Việt Nam thế kỷ thứ XVI có nhiều nhân tố “duyên phận” và trong thời điểm gặp gỡ Đông - Tây đã thúc đẩy Bồ Đào Nha đến Hội An (Quảng Nam). Hoạt động thương mại và truyền giáo của Bồ Đào Nha ở Đàng Trong có nhiều nét đặc thù, vừa mang tính chất khu vực châu Á. “Thương mại và truyền giáo” hay nói cách khác là “hạt tiêu và linh hồn” đã trở thành hai nhân tố chính luôn song hành nhau mà Bồ Đào Nha đã tiến hành ở Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVI.

---

<sup>1</sup>. *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI – XVII* (2007), NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 164 – 165.

## 1.2. Hoạt động thương mại của Bồ Đào Nha ở Quảng Nam (1523 - 1665)

Sau khi thiết lập được mạng lưới buôn bán ở châu Á, người Bồ Đào Nha đã đến Đàng Trong. Con đường hải thương từ Malacca đến Trung Quốc và Nhật Bản của Bồ Đào Nha có lộ trình sát bờ biển Việt Nam<sup>2</sup>. Hai địa điểm mà các thương nhân thường chọn để dừng chân là Côn Đảo và Cù Lao Chàm, họ đến đây để nhận lấy thêm ít nước ngọt và nghỉ ngơi một vài ngày. Qua nhiều tư liệu của người Bồ được viết trong sách *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa* (Người Bồ Đào Nha ở bờ biển Việt Nam và Champa của Pierre-Yves Manguin) đã xác nhận người Bồ đến Cù Lao Chàm khoảng năm 1516, trong Pierre-Yves Manguin có ghi: *Sau lần tiếp xúc đầu tiên với người Chăm và người Việt vào năm 1516, một “sự khám phá” chính thức với Đàng Trong đã được tiến hành vào năm 1523*<sup>3</sup>. Họ di chuyển theo hành trình của gió mùa, từ tháng 3 đến tháng 9 là sáu tháng gió thổi từ Nam lên Bắc, từ tháng 9 đến tháng 12 là ba tháng gió thổi từ Bắc xuống Nam, đó chính là hải trình của các đoàn thuyền buôn. Các thương gia vào đây để mua thêm thực phẩm tươi để dự trữ cho các chuyến hải trình từ Hội An đi Macao khoảng 9 ngày, hoặc từ Hội An đi Malaya khoảng 20 ngày.

Mặc dù hoạt động thương mại chưa được thiết lập chính thức nhưng theo Pierre Yves, người Bồ Đào Nha đã bắt đầu có những hoạt động buôn bán với Đàng Trong vào khoảng năm 1540: *“Fernão Mendes Pinto đã có một lần đến vùng biển Indochinoise vào năm 1540”*<sup>4</sup>. Chuyến đi này được chỉ huy bằng thuyền trưởng António Faria, xuất phát từ Patania năm 1535, và có ghé đến vùng Champa năm 1540, chuyến đi này nhằm đến Trung Quốc để tiến hành hoạt động thương mại. Năm 1554, sau 14 năm, trong hồi ký về chuyến đi năm 1540, Pinto có viết rằng: *“được vua của Nhật Bản đồng ý, trong 14 năm qua, đã được vua giao cho việc giao dịch thương mại trong khu vực của Nhật Bản và biển của Trung Quốc”*<sup>5</sup>. Năm 1545, *“trong một chuyến tàu đi từ Malacca, 200 thủy thủ Bồ Đào Nha đã có mặt ở vùng biển Trung Quốc [Mer de Chine] và có ghé qua Faifo-Tourance”*<sup>6</sup>.

Vào năm 1614, Nhật Bản ban hành chính sách “cấm đạo” khiến các thương gia cũng như giáo sĩ Bồ Đào Nha ở Nhật Bản chạy trốn sang Macao và Việt Nam, người Bồ Đào Nha chọn Quảng Nam làm điểm đến đầu tiên ở Việt Nam: *“năm 1614, thương gia*

---

<sup>2</sup>. Bản đồ hải thương: Trong Manguin, Pierre-Yves, *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa*, L'école Française d'Extrême-Orient, Paris, 1972. Phần phụ lục số 2, tên gọi *Carte comparative des routes de F. Rodrigues et de Wou pei iché*.

<sup>3</sup>. Manguin, Pierre-Yves (1972), *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa*, L'école Française d'Extrême-Orient, Paris, Tr. 3. *“Après des premiers contacts fortuits avec les côtes cam et vietnamiennes en 1516, la “découverte” officielle de la Cochinchine se fera en 1523”*.

<sup>4</sup>. Manguin, Pierre-Yves (1972), *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa*, L'école Française d'Extrême-Orient, Paris, pg. 182.

<sup>5</sup>. Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 183.

<sup>6</sup>. Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 184.

*Fernandes da Costa từ Macao đến Đàng Trong, sau khi được gặp chúa Nguyễn Phúc Nguyên, được Chúa chấp thuận điều mà thương gia này thỉnh cầu là dành độc quyền thương mại cho người Bồ Đào Nha, không cho phép người Hà Lan đến buôn bán”<sup>7</sup>. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1563 – 1635, cầm quyền 1613 – 1635) mới lên cầm quyền muốn mở cửa hoạt động giao thương với các thương nhân Bồ Đào Nha, nhằm mua vũ khí và củng cố chính quyền để đối phó với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài nên mới nhanh chóng đồng ý cho Bồ Đào Nha đến buôn bán.*

Người Bồ Đào Nha vẫn với hành trình hải thương như trước, nhưng vị trí của Quảng Nam (Đàng Trong) đối với Bồ Đào Nha được nâng lên, họ đã có những chuyến buôn bán thương xuyên hơn, họ đi từ Macao hoặc Nam Dương đến Hội An vào tháng chạp hoặc tháng giêng bán, mua hàng như tơ, lụa, hồ tiêu, gỗ quý, qua tay các đại lý Hoa kiều hay Nhật kiều ở Hội An rồi quay thuyền về các căn cứ trên. Bên cạnh đó, đồng tiền, thỏi vàng cũng được xem như là một mặt hàng để người Bồ đến buôn bán. Năm 1622, người Bồ Đào Nha mang “đến Đàng Trong loại đồng bạc để mua lại hàng hóa, người Bồ đã không mua hàng, nhưng mà đổi lại đồng tiền (d’argent), được sử dụng như chính nó là một loại hàng hóa có giá trị, đôi khi nhiều hơn, đôi khi ít hơn, tạo nên sự phong phú tuyệt vời có khi hơn cả hàng hóa bằng lụa”<sup>8</sup>.

Bên cạnh đó, Đàng Trong, theo Ferreira, tơ lụa là sản phẩm rất dồi dào (très riches) và rất đẹp (très belles). Những sản phẩm lụa được dệt bằng tay nên có giá trị rất lớn. Đàng Trong còn thu hút các thương nhân Bồ bởi ở đây có trầm hương và các loại gỗ quý, nó rất có giá. Năm 1637, thương gia Bồ Đào Nha đã mang về cho Macao 22 kati (13kg) trầm hương và 1330 kati (813kg) gỗ trắc. Số trầm hương đó mang lại lợi nhuận 1 đôi 25<sup>9</sup>.

Trong quá trình giao thương với Đàng Trong, “Bồ Đào Nha không tiến hành lập thương điếm. Tuy không để lại người buôn bán thường trực, nhưng họ rất muốn độc quyền buôn bán với nước ta. Trên thực tế, họ cố gắng lấy lòng chúa Nguyễn, gửi tặng vật và luôn cạnh tranh với người Hà Lan, họ đề nghị chúa Nguyễn không nên buôn bán với người Hà Lan nhưng chúa Nguyễn vẫn thiết lập hoạt động thương mại với người Hà Lan”<sup>10</sup>.

Điều đặc biệt là, việc buôn bán với Đàng Trong trở nên quan trọng với người Bồ kể từ năm 1640, khi họ giảm bớt việc buôn bán với Nhật và hướng về Đông Nam Á. Hội An là trung tâm tập trung và phân phối hàng hóa, Hội An xuất khẩu một số sản

---

7. Công ty VOC của Hà Lan thành lập năm 1602, từ năm 1633, Hà Lan đã đến hoạt động thương mại ở Việt Nam.

8. Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 237, 239, 247.

9. Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 247.

10. Vũ Duy Mên (1988), “Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 292/2002, Tr. 64.

phẩm của địa phương đứng đầu là kỳ nam hương và vàng. Kỳ nam hương là một thứ dầu quý và nó được miêu tả như sau: “kỳ nam hương màu đen, có dầu và giá 50 *cruzados* một *catty* nơi người Bồ Đào Nha trong khi tại chính nơi sản xuất, nó trị giá ngang với bạc, bao nhiêu kỳ nam hương là bấy nhiêu bạc”<sup>11</sup>. Các thương nhân Bồ Đào Nha không đến Việt Nam theo đại diện cho công ty nào và không đến cư ngụ, mở thương điếm mà họ chỉ thông qua các trung gian để gom hàng hóa hoặc giao dịch. Họ mua nhiều hàng hóa rẻ ở Việt Nam và bán ở các nước châu Âu.

Chính sự giúp sức cho chúa Nguyễn mà người Bồ Đào Nha phần nào được Chúa ưu ái, các chúa Nguyễn cho phép Bồ Đào Nha xây dựng những cơ sở kinh doanh ở Hội An như lập phố, xây kho nhưng trên thực tế người Bồ đã không thực hiện.

### 1.3. Hoạt động truyền giáo của Bồ Đào Nha ở Quảng Nam

Dòng Jesuites sang truyền giáo ở Việt Nam là Dòng Jesuites thuộc sự quản hạt của Bồ Đào Nha, Dòng này được thành lập năm 1540 bằng Trạng sắc Regimini Militantis Ecclesiae<sup>12</sup> của Tòa thánh. Khi đến Việt Nam, Dòng Jesuites đã thiết lập hoạt động truyền giáo đầu tiên tại Đàng Trong. Cùng với đó, vào năm 1615, các thừa sai Dòng Jesuites cũng đến Đàng Trong. Ba linh mục Dòng Jesuites đầu tiên đến Việt Nam dưới danh nghĩa Dòng Jesuites ở Macao là Francesco Buzomi<sup>13</sup>, Diogo Carvalho<sup>14</sup> và António Dias<sup>15</sup>, sau 12 ngày đi biển từ Macao thì ba giáo sĩ này đã có mặt ở Cửa Hàn (Đà Nẵng), công việc đầu tiên của ba vị này là tìm kiếm một chỗ trú ngụ, rồi tiếp cận ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa và tiến hành những hoạt động truyền giáo.

---

<sup>11</sup>. Tana, Li (1999), *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế - xã hội thế kỷ XVII – XVIII*, NXB Trẻ, Hà Nội, tr. 119.

<sup>12</sup>. Sau thời gian tuổi trẻ đầy tham vọng và với binh nghiệp sáng chói, Inhaxiô (tên gốc: Ignacio López), một quý tộc xứ Loyola (Tây Ban Nha), đã đi tìm các trải nghiệm về tôn giáo Thiên chúa. Sau nhiều cuộc mò mẫm tìm tòi, ông tuyên bố đã tìm thấy tiếng gọi thiêng liêng cứu các linh hồn và phụng sự chúa Kitô. Ông bắt đầu học thần học tại Đại học Paris rồi dần dần tập hợp quanh mình các bạn hữu trong Chúa, sẵn sàng làm việc để vinh danh Chúa (khẩu hiệu tiếng latin Ad maiorem Dei gloriam trong Giáo hội Công giáo). Ngày 15/8/1534, Inhaxiô cùng 6 bạn sinh viên khác trong đó có François Xavier và Pierre Favre (người được thụ phong linh mục đầu tiên của Dòng Tên) họp lại ở Montmartre.

<sup>13</sup>. Francesco Buzomi (1575 – 1639), sinh tại Ý, gia nhập Dòng Jesuites ngày 02/9/1592, lên tàu đi Goa năm 1609, từ đó đến Macao, ở Đàng Trong năm 1615 – 1639, chết tại Macao năm 1639 do bệnh.

<sup>14</sup>. Diogo Carvalho (1578 – 1624), sinh tại Coimbra, Bồ Đào Nha, gia nhập Dòng Jesuites năm 1597, đi Goa năm 1600, năm 1609 – 1614 đến Nhật truyền giáo, 1614 - 1615 ở Đàng Trong, 1615 – 1616, về lại Nhật và tử đạo tại Nhật.

<sup>15</sup>. António Dias (1585 - ?), sinh tại Ega, Bồ Đào Nha, gia nhập Dòng Jesuites tại Macao năm 1607, đến Đàng Trong năm 1615, đến năm 1639, về lại Macao và không biết chết năm nào.

Đầu tiên, Buzomi cho dựng lên một nhà nguyện tạm thời ở Cửa Hàn, vào dịp Lễ phục sinh năm 1615, họ đã làm lễ “rửa tội” cho 10 người, đây cũng là những giáo hữu đầu tiên của Dòng J suites ở Việt Nam.

Tiếp theo, các tu sĩ đến Hội An, rồi đến Cacciam (Kẻ Chàm là tên gọi khác của Thanh Chi m) cách Hội An 7 km về phía Tây để xây dựng nhà nguyện. Tranh thủ sự ủng hộ của các chúa, và sự giúp đỡ của bà Minh Đức Vương Thái Phi (Signora nobilissima), các thừa sai Dòng J suites đã thiết lập ba cư sở gồm Hội An (1615), Nước Mặn (1618), Thanh Chi m (1623). Ba cư sở này là những cư sở đầu tiên của Kitô giáo ở Việt Nam, đánh dấu quá trình truyền giáo chính thức của Bồ Đào Nha ở Việt Nam.

Cư sở Hội An được thành lập năm 1615, sau lệnh “cấm đạo” và trục xuất những người theo đạo ở Nhật Bản diễn ra, các giáo dân Nhật đã trốn sang Việt Nam và thành lập cư sở Hội An để hoạt động truyền giáo. Hội An từ đầu thế kỷ XVII đã trở thành hải cảng, trung tâm thương mại quan trọng và sầm uất của Đàng Trong. Phái đoàn của Buzomi đến Cửa Hàn năm 1615, chính vào dịp Lễ phục sinh năm đó đã làm một nhà thờ nhỏ cùng rửa tội cho 10 người, sau đấy phái đoàn về ở chính thức ở Hội An vì ở đây có Nhật kiều Công giáo sinh sống và dễ dàng liên lạc với người Việt và ngoại kiều để truyền giáo<sup>16</sup>.

Cư sở Thanh Chi m (Quảng Nam Dinh, Dinhciam, Kecham...) thành lập năm 1623, là vùng đất nằm phía Tây Hội An, tả ngạn sông Thu Bồn, cách Hội An phía Đông 7 km, là nơi thủ phủ của Dinh trấn Quảng Nam. Người đứng ra thành lập cư sở này là Fransico de Pina<sup>17</sup>, điều đó được nêu trong thư gửi về Macao năm 1623: “Năm ngo i [năm 1622], con [Pina] đã biên thư cho cha [người quản hạt ở Macao], thưa cha đáng kính, con đã mua nhà của mẹ bà Gioanna tại Cacham [Thành Chi m], mỗi nhà gồm ba gian, một nhà dành cho chúng ta ở, nhà kia làm nhà nguyện. Mục đích của con là cần có cái gì đó [nhà] thuộc quyền chúng ta tại một nơi rất quan trọng của Vương quốc này, để có thể chúng ta sẽ dâng lễ misa [lễ thánh tẩy trong Thiên Chúa giáo] tại đó, và tiếp tục vun trồng cùng phát triển nhóm bốn đạo ở đây [Thành Chi m]... Tại mỗi nhà phải có ít nhất ba [thanh niên] giúp chúng ta công việc trong nhà, và cũng phải dành thời giờ cho những người đó vừa học chữ của họ [tiếng Việt], vừa học chữ chúng ta [tiếng Bồ]”<sup>18</sup>.

<sup>16</sup>. Đỗ Quang Chính, S.J (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 – 1773*, In lần đầu năm 2007, An Tôn và Đuốc sáng, NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr. 65.

<sup>17</sup>. Giáo sĩ Dòng J suites đầu tiên và cũng là người đầu tiên của Bồ Đào Nha biết tiếng Việt, sau này Alexandre de Rhodes đã kế thừa và xuất bản từ điển Việt - Bồ - La.

<sup>18</sup>. Jacques, Roland (2007), *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học (cho đến 1650)*, Dịch và hiệu đính Viện Ngôn ngữ học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 195 – 196.

#### 1.4. Quá trình tiếp cận ngôn ngữ Việt của các giáo sĩ Dòng Jésuites và bước đầu của sự hình thành Quốc ngữ

Khi những giáo sĩ Dòng Jésuites đầu tiên đến Đàng Trong, do không học tiếng Việt trước khi đến, nên họ phải nhờ đến những người thông ngôn, đa số là những Nhật kiều định cư ở Hội An sau lệnh “cấm đạo” của Nhật Bản năm 1614.

Giáo sĩ Francesco Buzomi đến Cửa Hàn năm 1615 và học tiếng Việt nhưng ông chỉ biết rất ít, mỗi lần truyền giảng ông đều sử dụng thông dịch viên, vì thế cũng có những hiểu nhầm trong từng ý nghĩa, ví dụ trong tường trình của Borri khi đến Đàng Trong: *Con gnoo muon bau tlom laom Hoalaom chiam? [Con nhỏ muốn vào trong lòng đạo Hoa lang chẳng?]* (*ciòè figlio piccolo volete entrar dē tro ls pāza de Portoghesi ò nò?*)<sup>19</sup>, ở đây ý của Buzomi là đạo Christiana (Thiên Chúa) không phải là đạo Hoa lang. Đó chính là hạn chế của Buzomi trong hoạt động truyền giáo của ông. Chính trong tường trình của Rhodes, ông cũng thừa nhận: “Tại đây (Đàng Trong), chúng tôi (đoàn của Rhodes) được thấy cha Emanuel Fernandez và cha Buzomi luôn luôn phải giảng thuyết qua thông dịch viên, chỉ có cha Francois Pina (Francisco de Pina) nghe và nói thành thạo tiếng Việt”<sup>20</sup>. Điều đó có nghĩa là Pina đã biết tiếng Việt để nói chuyện với những dự tòng.

Chính những gì Pina nói, viết bằng tiếng Việt, là nền tảng để sau này, với năng lực ngôn ngữ của mình, Rhodes đã kế thừa và cho xuất bản những tác phẩm bằng chữ Quốc ngữ mang tên Alexandre de Rhodes. Lúc mới đến xứ Đàng Trong, Rhodes cũng cảm nhận tiếng Việt là ngôn ngữ khó học, Rhodes viết: “Riêng tôi, xin thú thực khi vừa tới Đàng Trong, và nghe người xứ này nói, đặc biệt là phụ nữ, tôi tưởng như nghe chim hót, và tôi mất cả hy vọng vì sẽ chẳng bao giờ học được. Tất cả mọi từ đều là đơn âm [...]”<sup>21</sup>.

## 2. VAI TRÒ CỦA QUẢNG NAM TRONG VIỆC GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT NAM – BỜ ĐÀO NHA THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO

Quá trình du nhập văn hóa phương Tây vào Việt Nam thông qua hoạt động thương mại và truyền giáo, trong đó, “tôn giáo là một phương tiện của văn hóa và mọi sự tiếp xúc tôn giáo đều có thể coi là tiếp xúc văn hóa. Và sự truyền bá các tôn giáo lớn sang các vùng đất mới, như trường hợp Thiên Chúa giáo thời cận đại, ngoài những

---

<sup>19</sup>. Borri, Christophe (1631), *Relation de la nouvelle Missions des Peres de la Companie du Jesus, au Royaume de la Cochichine*, de la mesme Companie, Little, pg. 107 – 109.

<sup>20</sup>. Rhodes, Alexandre de (1854), *Les voyages et missions*, Paris, pg. 72.

<sup>21</sup>. Rhodes, Alexandre de (1854), *Les voyages et missions*, Paris, pg. 72.

chức năng nào khác, còn được coi là có chức năng chuyển tải văn hóa (transculture), đương nhiên là văn hóa phương Tây”<sup>22</sup>.

Việc đặt nền móng cho sự hình thành chữ Quốc ngữ nằm ngoài ý thức chủ quan của các nhà truyền đạo khi sáng tạo ra Quốc ngữ, động cơ chủ yếu và trước hết của các giáo sĩ khi sáng tạo ra Quốc ngữ là để phục vụ cho công cuộc truyền giáo.

Trước Alexandre Rhodes, Thừa sai Gaspard Amiral làm *tự vị Bồ Đào Nha - Annam*, Antoine Barbore làm *Tự vị Annam - Bồ Đào Nha* và Francisco de Pina đã dùng mẫu tự Latinh để ghi âm tiếng Việt<sup>23</sup>.

Về sau, Alexandre de Rhodes vừa học vừa kế thừa những thành quả của những người đi trước, nghiên cứu thêm cách phát âm của người Đàng Ngoài (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) để đặt ra vần quốc ngữ có đủ được hết mọi giọng trong tiếng Việt, cho xuất bản cuốn *Từ điển Việt - Bồ - Latinh (Dictionnaire Annamite Latin Portugais)* và cuốn *Phép giảng tám ngày* hay còn gọi là *Giáo lý cương yếu bằng tiếng Latinh và tiếng Annam (Catechisme en Latin et en Annamite)*. Cả hai cuốn đều được đúc chữ và ấn hành tại Roma vào năm 1651.

Cuốn *Giáo lý cương yếu* của Rhodes có nhan đề “Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn (muốn) chịu phép rửa tội (tội) mà beo (vào) đạo thánh đức Chúa Blời (trời)”. Trong sách viết nguyên văn như sau: “*Phép giảng tám ngày. Ngày thứ nhất. Ta cầu cũ đức Chúa Blời giúp sức cho ta biết tỏ tường đạo Chúa là như thế nào vì bây ta phải hay ở thế này chẳng có ai fôu lâu; vì chưng kẻ đến bây tám mươi tuổi chẳng có nhẽ. Vì bây ta nên tìm đàng nào cho ta được fôu lâu, là kiếm hàng fôu bây: thật là việc người cuên tử. Khác phép thế gian này, dù mà làm cho người được phú quý: fau le chẳng làm được cho ta ngày fau...*”<sup>24</sup>.

Chuyển sang cách viết ngày nay: “*Phép giảng tám ngày. Ngày thứ nhất. Ta cầu cúng đức Chúa trời giúp cho ta biết tỏ tường đạo Chúa là như thế nào, vì vậy ta phải hay ở thế gian này chẳng có ai sống lâu; vì chưng kẻ đến bây tám mươi tuổi chẳng có nhẽ, vì vậy ta nên tìm đàng nào cho ta được sống lâu là kiếm hàng sống vậy, thật là việc người quân tử, khác phép thế gian này, dù mà làm cho người được phú quý: song le chẳng làm được cho ta ngày sau...*”<sup>25</sup>. Trong *Phép giảng tám ngày*, Rhodes viết bằng hai thứ tiếng Bồ - Việt trên cùng một trang giấy phân làm hai bên, cách ghi tiếng Việt có khác chút ít so với chữ chúng ta ngày nay, nội dung của tác phẩm là mô tả toàn bộ quá trình tiến hành giảng giải cho một người mới vào đạo, vì thế, mục đích đầu tiên vẫn là mục đích truyền giáo. Nhưng người Việt đã tiếp nhận được và xây dựng chữ Quốc ngữ ngày nay.

<sup>22</sup>. Nguyễn Văn Kiệm (2003), *Góp phần tìm hiểu một số vấn đề lịch sử cận đại Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 34.

<sup>23</sup>. Hoàng Tiến (2003), *Chữ Quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 15.

<sup>24</sup>. Rhodes, Alexandre de (1993), *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại Kết, Tp Hồ Chí Minh, tr. 5.

<sup>25</sup>. Rhodes, Alexandre de (1993), *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại Kết, Tp Hồ Chí Minh, tr. 4.



Như vậy, với mục tiêu chính là học và biết tiếng Việt để truyền bá đạo Thiên Chúa vào Việt Nam, các giáo sĩ Dòng Jesuites đã vô tình đặt nền móng cho việc hình thành chữ Quốc ngữ của Việt Nam. Đây là tài sản quý giá của Việt Nam mà chúng ta có được trong quá trình giao lưu văn hóa Đông – Tây thời cận đại.

*Qua hoạt động thương mại của Bồ Đào Nha với Đàng Trong thế kỷ XVI – XVII, có thể nhận thấy rằng Đàng Trong (Việt Nam) đã tham gia vào mạng lưới buôn bán bằng đường biển với khu vực Nội Á cũng như với phương Tây từ thời trung cận đại. Cũng chính sự có mặt của lái buôn người Bồ, các chúa Nguyễn đã linh hoạt trong chính sách, biết dùng ngoại thương để làm đòn bẩy phát triển kinh tế. Nhân tố này là khách quan tác động đến chủ quan, bởi lẽ chúa Nguyễn không thể tự đưa ra một chính sách khi không có nhân tố phương Tây tác động, tại thời điểm mà các Chúa còn lả lẫm với vùng đất vừa khai hoang.*

Dù Bồ Đào Nha được chúa Nguyễn cho xây thương điểm nhưng họ không thực hiện. Điều này được lý giải vì Bồ Đào Nha không đủ sức người với dân số ít ỏi (1,5 triệu dân thế kỷ XVII), lại thêm việc phải trấn giữ những thương điểm khác như Macao (Trung Quốc), Kyushu (Nhật Bản), Cochín (Ấn Độ), Goa (Ấn Độ), Malacca... nên Đàng Trong được xem là trạm trung chuyển trong hành trình hải thương, là nơi Bồ Đào Nha đến mua, bán và tiếp tế lương thực theo hành trình gió mùa. Cù Lao Chàm của Việt Nam cũng đã tham gia vào dòng thương mại biển, với vai trò là vệ tinh cho Hội An trong tiến trình hòa nhập vào mạng lưới buôn bán toàn cầu. Cù Lao Chàm không phải là một Sea Port (Cảng biển), hay một Littoral Port (Cảng ven biển), hay Estuary Port (Cảng cửa sông) mà Cù Lao Chàm trước hết là “bến đậu dừng nghỉ của các thuyền và là nơi trung chuyển hàng hóa xuất nhập (trầm hương)<sup>26</sup>.

*Trong giao thương với Bồ Đào Nha, Quảng Nam không chỉ là một chủ thể độc lập, mà luôn có tính liên kết với các thương điểm khác trên toàn cõi châu Á. Mặc dù hoạt động thương mại Bồ Đào Nha với Đàng Trong chỉ diễn ra từ đầu thế kỷ XVI, cho đến nửa sau thế kỷ XVII nhưng vào thời điểm nào của lịch sử, hay khách thể nào đến Việt Nam thì Đàng Trong vẫn được xem là vị trí then chốt trong hành trình tìm đến phương Đông của các nước phương Tây thời trung cận đại.*

Trong giai đoạn *đế quốc mậu dịch*, Bồ Đào Nha đã thiết lập hệ thống thương mại rộng mở trên toàn cõi châu Á. Việc Bồ Đào Nha tiến hành buôn bán và truyền giáo ở Việt Nam là khâu kết nối quan trọng trong tiến trình hải thương từ Đông Nam Á lên Bắc Á, tuyến đường biển này được đánh giá là rút gọn khoảng cách và khá an toàn. Vì thế, dù Việt Nam không được xem là nơi xây dựng thương điểm của Bồ Đào Nha nhưng là vị trí điểm quan trọng, nếu không muốn nói là bậc nhất để các đoàn thuyền

---

<sup>26</sup>. *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI – XVII*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 89 – 101, 103.

buôn vận hành một cách thông suốt. Thiết lập được với Việt Nam chính là một mắt xích kết nối Nhật Bản, Macao, Malacca tạo nên bộ tứ trong mạng lưới Nội Á. Chính điều đó làm gia tăng và chắc chắn hơn sự kết nối thương mại giữa Bồ Đào Nha với châu Á mà Việt Nam là vị trí trọng yếu không thể bỏ qua.

### **3. KẾT LUẬN**

Sau gần 150 năm có mặt ở Quảng Nam (1523 - 1663), Bồ Đào Nha đã để lại dấu ấn ở đây rất đặc trưng trên các bình diện: thương mại, truyền giáo và bang giao quốc tế.

Quảng Nam là trạm trung chuyển quan trọng trong chuyến hải thương Bắc Nam của Bồ Đào Nha ở châu Á. Điều đặc biệt là Quảng Nam cũng chính là một trong những địa điểm đầu tiên kết nối giao thương giữa Việt Nam với Bồ Đào Nha nói riêng và các nước phương Tây sau này nói chung, là vùng đất quan trọng để các nước phương Tây mở rộng hoạt động giao thương trên nhiều vùng miền khác nhau của Việt Nam.

Quảng Nam là nơi kết nối bang giao Đông - Tây giữa Việt Nam - Bồ Đào Nha, đưa Việt Nam tham gia vào mạng lưới mậu dịch Nội Á và tham gia vào kỷ nguyên thương mại quốc tế thời tiền cận đại.

Cũng nhờ sự phát triển của giao thương, mà Hội An (Quảng Nam) là một trong những thương cảng sầm uất trong hệ thống thương cảng ven biển của Việt Nam từ Bắc vào Nam thời kỳ tiền cận đại, tạo nên sự đa sắc cho các đô thị Việt Nam nhờ giao thương quốc tế.

Bên cạnh hoạt động giao thương, sự bang giao văn hóa giữa Việt Nam với Bồ Đào Nha còn thể hiện trên việc Latinh hóa tiếng Việt, và Quảng Nam là trong những cái nôi đầu tiên khởi nguồn cho sự hình thành Quốc ngữ.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Borri, Christophe (1631). *Relation de la nouvelle Missions des Peres de la Companie du Jesus, au Royaume de la Cochichine*, De la mesme Companie, Little.
- [2]. Đỗ Quang Chính, S.J (2008). *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 – 1773*, In lần đầu năm 2007, An Tôn và Đuốc sáng, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [3]. Gaspard Lovys (1628). *Histoire de ce qui s'est passé en Ethiopie, Malabar, Brasil, et és Indes Orientales*, Paris.
- [4]. Jacques, Roland (2007). *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học (cho đến 1650)*, Dịch và hiệu đính Viện Ngôn ngữ học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Văn Kiệm (2003). *Góp phần tìm hiểu một số vấn đề lịch sử cận đại Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [6]. Manguin, Pierre-Yves (1972). *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa*, L'école Française d'Extrême-Orient, Paris.
- [7]. Vũ Duy Mên (1988). "Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII", *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 292/2002.
- [8]. Rhodes, Alexandre de (1854). *Les voyages et missions*, Paris.
- [9]. Rhodes, Alexandre de (1993). *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại Kết, Tp Hồ Chí Minh.
- [10]. Tana, Li (1999). *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế - xã hội thế kỷ XVII – XVIII*, NXB Trẻ - Hà Nội.
- [11]. Hoàng Tiến (2003). *Chữ Quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, tp Hồ Chí Minh.
- [12]. *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI – XVII* (2007), NXB Thế giới, Hà Nội.

## THE ROLE OF QUANG NAM PROVINCE IN DIPLOMATIC RELATIONSHIP BETWEEN VIETNAM AND PORTUGAL (XVI<sup>th</sup>– XVII<sup>th</sup> CENTURIES)

Hoang Thi Anh Dao

Faculty of History, University of Science, Hue University

Email: hoanganhdao.dhkh@husc.edu.vn

### ABSTRACT

At the beginning of the sixteenth century, Portuguese merchant ships arrived to Cu Lao Cham island and then gradually entered to Hoi An (Quang Nam province) to collect goods to establish commercial activities and give missionary activities. After the Portuguese had established the trading and missionary activities here for nearly 150 years, there was a process of cultural exchange between Portugal and Vietnam. That process took place for a long time and has still been influential to this day as an expression of the pre-modern East-West interference. Therefore, the article aims to analyze the diplomatic relations and cultural exchanges between the two above-mentioned subjects in the fields of commerce, national language, architecture and religion, thereby clarifying the role of Quang Nam in the expansion of territories of Vietnam.

**Keywords:** Portugal, Quang Nam, the diplomatic relationship, trading.



**Hoàng Thị Anh Đào** sinh ngày 2/3/1989 tại Thừa Thiên Huế. Bà tốt nghiệp Đại học năm 2011 ngành Đông phương học và Tiến sĩ năm 2017 chuyên ngành Lịch sử Thế giới tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện bà đang công tác tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Lịch sử Thế giới và Đông phương học, Văn hóa các nước phương Đông và chú trọng nghiên cứu mối quan hệ bang giao giữa Việt Nam với các nước phương Tây (Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp) thời trung cận đại.